

Số: /TB-SYT

Bình Định, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023

Đơn vị được thông báo: **TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HOÀI NHƠN.**

Mã chương: 423 - Loại: 130 - Khoản: 131; 132; 139; 151; Loại: 280 - Khoản: 338; Loại: 340 - Khoản: 341.

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 của Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 10/6/2024 giữa Sở Y tế Bình Định và Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn;

Sở Y tế Bình Định thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 1.955.712.956 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 59.013.580.156 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 23.322.562.200 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 35.691.017.956 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 60.311.049.352 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 60.311.049.352 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 953.060 đồng;
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 657.290.700 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 657.290.700 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c đính kèm)

2. Thuyết minh số liệu quyết toán:

2.1. Số dư kinh phí đương nhiên được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 657.290.700 đồng, trong đó:

- Kinh phí được giao tự chủ: 191.860.067 đồng;

- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 442.305.033 đồng (*mã nguồn 114: 117.248.513 đồng; mã nguồn 214: 325.056.520 đồng*).

- Kinh phí để chi trả chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản trong 6 tháng cuối năm 2023 do điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ) được bổ sung sau ngày 30/9/2023 tại Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định còn thừa: 56.000 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 38.000.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 37.944.000 đồng*).

- Kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023 còn thừa: 23.069.600 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 446.000.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 422.930.400 đồng*)

2.2. Kinh phí hủy dự toán: 953.060 đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện chế độ ưu đãi theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND được giao không tự chủ còn thừa: 104.000 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 570.563.200 đồng, Dự toán đã sử dụng: 570.459.200 đồng*), bao gồm:

+ Bệnh viện: 75.600 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 497.518.400 đồng, Dự toán đã sử dụng: 497.442.800 đồng*);

+ Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 28.400 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 73.044.800 đồng, Dự toán đã sử dụng: 73.016.400 đồng*).

- Kinh phí không tự chủ thực hiện hoạt động chuyên môn nghiệp vụ y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm được giao dự toán đầu năm còn thừa: 849.060 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 346.500.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 345.650.940 đồng*), bao gồm:

+ Y tế xã: 781.180 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 256.500.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 255.718.820 đồng*);

+ Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm: 67.880 đồng (*Dự toán giao sử dụng: 90.000.000 đồng, Dự toán đã sử dụng: 89.932.120 đồng*).

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động:

- Kết quả chênh lệch thu, chi trong năm (sau khi hạch toán chi phí thuế TNDN số tiền 39.053.960 đồng) là 2.991.181.624 đồng, trong đó:

+ Hoạt động hành chính, sự nghiệp: 422.698.503 đồng;

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: 2.604.312.715 đồng;

+ Hoạt động tài chính: 3.003.269 đồng;

+ Hoạt động khác: 221.097 đồng;

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng.

- Trích lập các Quỹ: 1.363.430.886 đồng (bao gồm tiết kiệm chi thường xuyên để trích lập các quỹ từ nguồn NSNN số tiền 495.275.286 đồng và trích

lập từ thặng dư hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ số tiền 868.155.600 đồng) trong đó:

- + Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 967.210.658 đồng (tỷ lệ trích lập: 71%)
- + Quỹ khen thưởng: 123.818.821 đồng (tỷ lệ trích lập: 9%)
- + Quỹ phúc lợi: 123.818.822 đồng (tỷ lệ trích lập: 9%)
- + Quỹ bổ sung thu nhập: 148.582.585 đồng (tỷ lệ trích lập: 11%)
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

1.1. Đơn vị đã thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Đoàn xét duyệt quyết toán Sở Y tế tại Thông báo số 386/TB-SYT ngày 31/12/2023 của Sở Y tế về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022.

1.2. Số dư cuối kỳ của các tài khoản:

Đơn vị tính: đồng

| SỐ DƯ BÊN NỢ | | SỐ DƯ BÊN CÓ | |
|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| TK | Số chuyển năm sau | TK | Số chuyển năm sau |
| 111 | 125.163.977 | 131 | 4.179.177.537 |
| 112 | 1.924.258.181 | 214 | 57.296.388.932 |
| 113 | 377.055.648 | 331 | 5.364.629.925 |
| 138 | 1.168.848.560 | 333 | 33.161.004 |
| 141 | 5.000.000 | 337 | 340.000 |
| 152 | 5.129.532.982 | 338 | 833.567.972 |
| 153 | 75.769.712 | 348 | 33.924.920 |
| 154 | 307.983.984 | 353 | 23.317.214 |
| 211 | 149.658.519.288 | 366 | 336.193.672.166 |
| 213 | 246.239.175.000 | 431 | 4.723.920.350 |
| 421 | 3.694.764.931 | 468 | 23.972.243 |
| Cộng | 408.706.072.263 | Cộng | 408.706.072.263 |

1.3. Nguồn cải cách tiền lương còn chuyển sang năm 2024 là 1.693.698.343 đồng (có bảng chi tiết kèm theo).

Đơn vị trích kinh phí CCTL vào TK468 chưa đủ. Kinh phí còn thiếu là 1.552.477.587 đồng.

1.4. Kinh phí thực hiện chi trả phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ còn lại chuyển năm 2024 là 325.056.520 đồng.

1.5. Đơn vị đã ghi tăng nguồn thu (TK 531) số kinh phí BHYT quyết toán

đến hết quý 3/2023.

1.6. Trong năm 2023, đơn vị được BHXH tỉnh quyết toán phần kinh phí khám bệnh, chữa bệnh vượt tổng mức thanh toán các năm trước với tổng số tiền: 1.618.345.618 đồng (năm 2018 số tiền 437.775.978 đồng và năm 2021 số tiền 1.180.569.640 đồng).

1.7. Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2023:

- Hệ điều trị:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Số báo cáo | Số xét duyệt | Chênh lệch tăng (+), giảm (-) |
|------------|--|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4-3 |
| I | NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 sau khi giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo K4 Đ35 NĐ 60/2021/NĐ-CP | 4.673.000.000 | 4.673.000.000 | 0 |
| 1 | NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 | 4.792.000.000 | 4.792.000.000 | - |
| 2 | Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo K4 Đ35 NĐ 60/2021/NĐ-CP | 119.000.000 | 119.000.000 | - |
| II | Cân đối kinh phí thu, chi thường xuyên trong năm 2023 | | | 0 |
| 1 | Thu | 27.553.562.062 | 27.553.562.062 | 0 |
| - | Thu bệnh nhân có thẻ BHYT | 23.567.732.606 | 23.567.732.606 | 0 |
| - | Thu bệnh nhân không có thẻ BHYT | 3.913.411.603 | 3.913.411.603 | 0 |
| - | Thu hoạt động dịch vụ khác (phần chênh lệch thu lớn hơn chi) | 72.417.853 | 72.417.853 | 0 |
| + | Thu dịch vụ khác | 266.072.797 | 266.072.797 | 0 |
| + | Chi dịch vụ khác | 102.271.530 | 102.271.530 | 0 |
| + | Nộp NSNN dịch vụ khác | 43.172.253 | 43.172.253 | 0 |
| + | Trích 40% CCTL theo quy định | 48.211.161 | 48.211.161 | 0 |
| 2 | Chi | 31.167.505.250 | 31.161.236.320 | -6.268.930 |
| - | Chi lương 1,49trđ | 16.798.930.545 | 16.798.930.545 | 0 |
| - | Chi các hoạt động khác | 14.368.574.705 | 14.362.305.775 | -6.268.930 |
| 3 | Chênh lệch thu - chi năm 2023 (=1-2) | -3.613.943.188 | -3.607.674.258 | 6.268.930 |
| III | Chênh lệch thừa so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023 | 1.059.056.812 | 1.065.325.742 | 6.268.930 |

- Trạm Y tế:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Trạm Y tế |
|------------|---|------------------------|
| I | NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 sau khi trừ tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL | 15.045.200.000 |
| 1 | NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 | 15.237.000.000 |
| 2 | Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL theo quy định | 191.800.000 |
| II | Cân đối kinh phí thu, chi thường xuyên trong năm 2023 | |
| 1 | Thu (sau khi trừ chi phí trực tiếp) | 72.576.783 |
| - | Nguồn thu KCB Trạm Y tế | 1.558.653.036 |
| - | Chi phí trực tiếp | 1.486.076.253 |
| 2 | Chi | 15.117.776.783 |
| - | Chi lương 1,49trđ | 12.967.155.281 |
| + | Từ nguồn thu | 72.576.783 |
| + | Từ NSNN hỗ trợ | 12.894.578.498 |
| - | Chi hoạt động thường xuyên (từ NSNN hỗ trợ) | 2.150.621.502 |
| 3 | Chênh lệch thu - chi năm 2023 (=1-2) | -15.045.200.000 |
| III | Chênh lệch so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023 | 0 |

- Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm |
|-----------|---|--|
| I | NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 sau khi trừ tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL | 3.064.000.000 |
| 1 | NSNN hỗ trợ chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định 2023 | 3.124.000.000 |
| 2 | Tiết kiệm 10% tạo nguồn CCTL theo quy định | 60.000.000 |
| II | Cân đối kinh phí thu, chi thường xuyên trong năm 2023 | |
| 1 | Thu (sau khi nộp NSNN) | 95.461.070 |
| - | Nguồn thu y tế dự phòng | 95.461.070 |
| - | Nộp NSNN | 0 |

| STT | Nội dung | Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, Y tế công cộng, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm |
|------------|---|--|
| 2 | Chi | 2.782.405.422 |
| - | Chi lương 1,49trđ (từ NSNN hỗ trợ) | 2.250.611.728 |
| - | Chi phí chuyên môn trong nguồn thu y tế dự phòng | 95.461.070 |
| - | Chi hoạt động thường xuyên (từ NSNN hỗ trợ) | 436.332.624 |
| 3 | Tiết kiệm chi thường xuyên để trích lập các quỹ từ nguồn NSNN hỗ trợ | 377.055.648 |
| 4 | Chênh lệch thu - chi năm 2023 (=1 – 2 -3) | -3.064.000.000 |
| III | Chênh lệch so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023 | 0 |

2. Một số khuyết điểm, tồn tại:

2.1. Tổng kinh phí BHYT không chấp nhận thanh toán trong năm 2023 đối với đơn vị là 41.697.662 đồng (theo số liệu cung cấp của Cơ quan BHXH tại Công văn số 462/BHXH-GĐBHYT ngày 26/3/2024); trong đó, các chi phí liên quan không được chấp nhận thanh toán với số tiền là 6.268.930 đồng được đơn vị thực hiện quyết toán trong năm là chưa phù hợp.

2.2. Chưa trích đủ hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp số tiền 463.268.108 đồng.

2.3. Đến cuối niên độ 2023, đơn vị có tổng thâm hụt hoạt động lũy kế là 4.085.004.183 đồng (*trong đó: hoạt động hành chính, sự nghiệp thâm hụt số tiền 397.994.303 đồng; hoạt động dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hệ điều trị thâm hụt số tiền 3.490.149.473 đồng; hoạt động dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trạm Y tế thâm hụt số tiền 187.023.090 đồng và hoạt động dịch vụ tiêm phòng thâm hụt số tiền 9.837.317 đồng*).

3. Kiến nghị: Yêu cầu Giám đốc đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

3.1. Tổ chức chấn chỉnh, sửa chữa các khuyết điểm, tồn tại đã được nêu tại Khoản 2 Mục III nêu trên.

3.2. Trích bổ sung kinh phí CCTL vào TK468 số tiền 1.552.477.587 đồng.

3.3. Phối hợp với phòng KH-TC Sở Y tế, Sở Tài chính rà soát, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị để có phương án xử lý phần

kinh phí chênh lệch so với kinh phí đã được NSNN hỗ trợ năm 2023.

3.4. Trích bổ sung hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp số tiền 463.268.108 đồng.

3.5. Thực hiện rà soát, giải trình, đề xuất phương án xử lý cụ thể đối với tình trạng thâm hụt kết quả hoạt động tại Khoản 2 Mục III nêu trên.

Kết quả xét duyệt trên đây căn cứ số liệu trên sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ, tài liệu kế toán của đơn vị xuất trình tại thời điểm xét duyệt quyết toán. Đơn vị chịu trách nhiệm về việc chấp hành đúng chính sách, chế độ của Nhà nước, về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ cung cấp cho Sở Y tế để thẩm định quyết toán; đồng thời tự chịu trách nhiệm về việc lưu giữ chứng từ gốc tại đơn vị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- TTYT Hoài Nhơn;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng